

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **193/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: **29/8/2019**

V/v tranh chấp **ly hôn, về nuôi con.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé;

2. Bà Nguyễn Thị Ly;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hà Văn P, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn anh Hà Văn P trình bày: Anh và chị Lê Thị N tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2011, nhưng đến ngày 07/10/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo quy định pháp luật.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ không quan tâm gia đình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn chung sống từ đầu năm 2019 đến nay. Từ khi không còn chung sống, hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị N. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Vũ Hoài N1, sinh ngày 07/4/2012 (hiện do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh P đồng ý để chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, anh P có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Lê Thị N được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị N vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Anh Hà Văn P và chị Lê Thị N chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ ngày 07/10/2015, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, chị N cờ bạc, không chăm lo gia đình. Nhận thấy tình cảm không còn, anh P yêu cầu ly hôn. Do anh đi làm ăn xa nhà nên xin vắng mặt các buổi hòa giải và xét xử. Xét thấy, từ khi anh P gửi đơn xin ly hôn, chị N không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, anh P xác định không còn tình cảm với chị N, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh P và chị N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nếu tiếp tục sống chung sẽ không hạnh phúc, nên anh P yêu cầu ly hôn đối với chị N là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Vũ Hoài N1 - Sinh ngày 07/4/2012. Hiện, sống chung với chị N, anh P đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại biên bản xác minh ngày 10/7/2019 của Tòa án, không ghi nhận ý kiến của cháu N1. Hiện cháu Nam sống chung với chị N vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, anh P đồng ý để cháu Nam cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, nghĩ nên để chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1. Do anh P không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Hà Văn P đối với chị Lê Thị N.

Chị Lê Thị N tiếp tục nuôi con chung tên Lê Vũ Hoài N1; anh Hà Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Hà Văn P yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị N, chị N có nơi cư trú ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn anh Hà Văn P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Lê Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng chị N vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P, chị N là có căn cứ.

[3] Anh Hà Văn P yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị N. Anh P và chị N có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo anh P trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ không quan tâm gia đình, đến đầu năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc anh P yêu cầu ly hôn và triệu tập chị N tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng chị N vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của anh P. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh P và chị N đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau, chị N không quan tâm gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ đầu năm 2019 đến nay. Trong thời gian này hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Hà Văn P là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, anh P xác định vợ chồng có 01 con chung tên Lê Vũ Hoài N1, sinh ngày 07/4/2012 (hiện do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh P đồng ý để chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập chị N đến Tòa án và dẫn cháu N1 đi cùng để Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu muốn sống chung với cha hay mẹ khi anh chị ly hôn, nhưng chị N và cháu N1 vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ thì chị N và cháu N1 không có mặt tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống

chung với nhau, cháu Nam do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và chị N cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của anh P. Do đó, để chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng N1 cháu là phù hợp pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N vắng mặt, anh P không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Anh P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Anh P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn P đối với chị Lê Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn P được ly hôn với chị Lê Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn **số 215, ngày 07 tháng 10 năm 2015** do Ủy ban nhân dân **xã Nhơn Mỹ**, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho **anh Hà Văn P và chị Lê Thị N** không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Vũ Hoài N1, sinh ngày 07/4/2012 (hiện do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh Hà Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Hà Văn P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc anh Hà Văn P xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì anh Hà Văn P và chị Lê Thị N phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Hà Văn P phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0000543 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 02/01/2019. Anh P đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

